CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TRUNG TÂM DỰ BÁO
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA

Số: TVHD-11/DBQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 30/11/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong tháng 10, trên sông Thao có dao động trong thời kỳ đầu, sau biến đổi chậm theo xu thế xuống.

- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang và trạm Vụ Quang chủ yếu dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình chủ yếu dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: Trong tháng 10, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo thủy triều và chịu ảnh hưởng thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong tháng 11, trên sông Thao mực nước sẽ tiếp tục biến đổi chậm.

- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang và trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ tiếp tục dao động theo thủy triều và chịu ảnh hưởng của thủy điện tuyến trên.

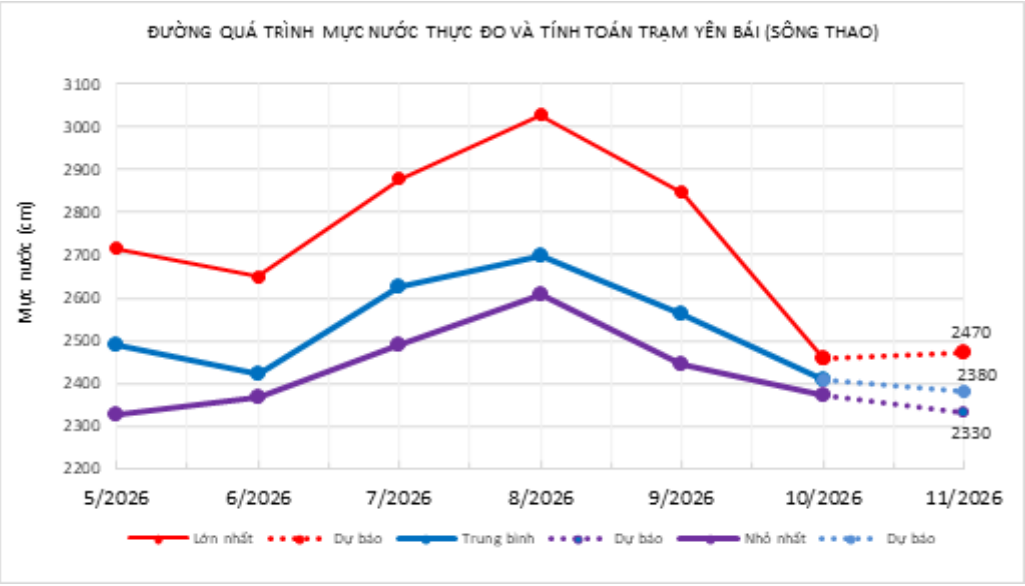

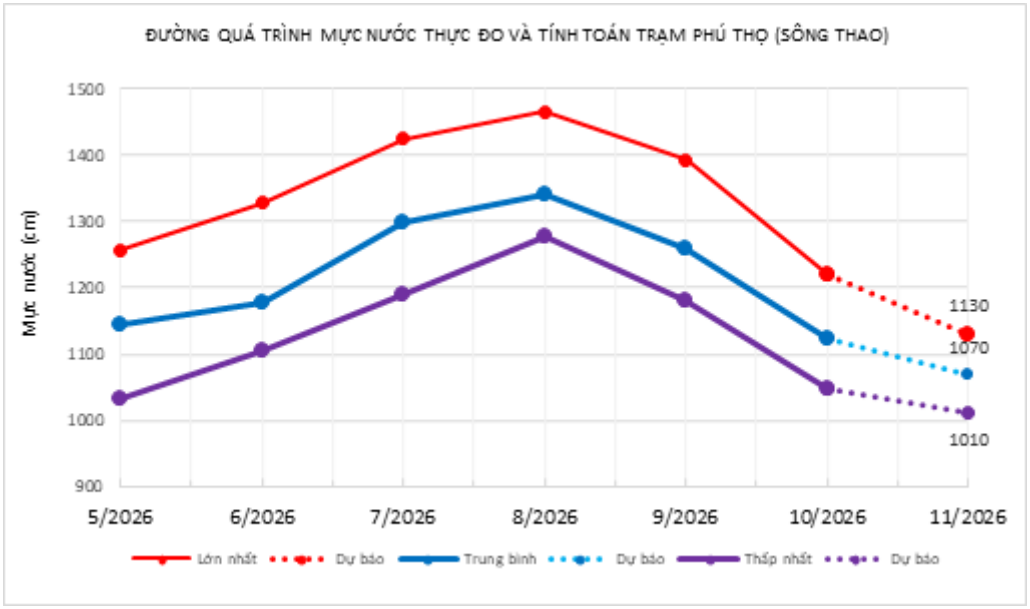
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)
Mực nước (cm)
1500
1400
1300
1200
1100
1000
900
1130
1070
1010
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

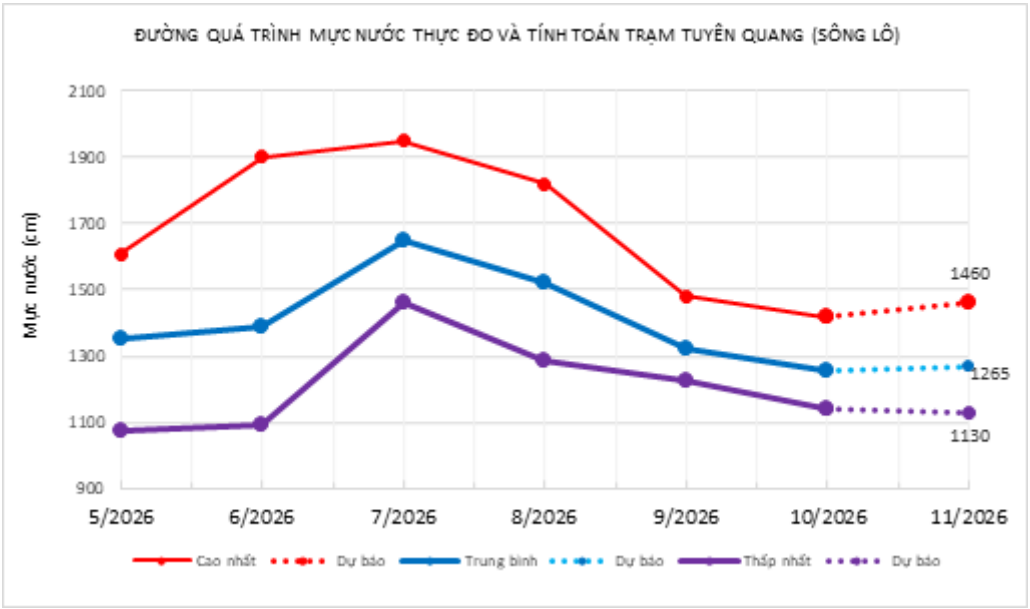
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
2100
1900
1700
1500
1300
1100
900
1460
1265
1130
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

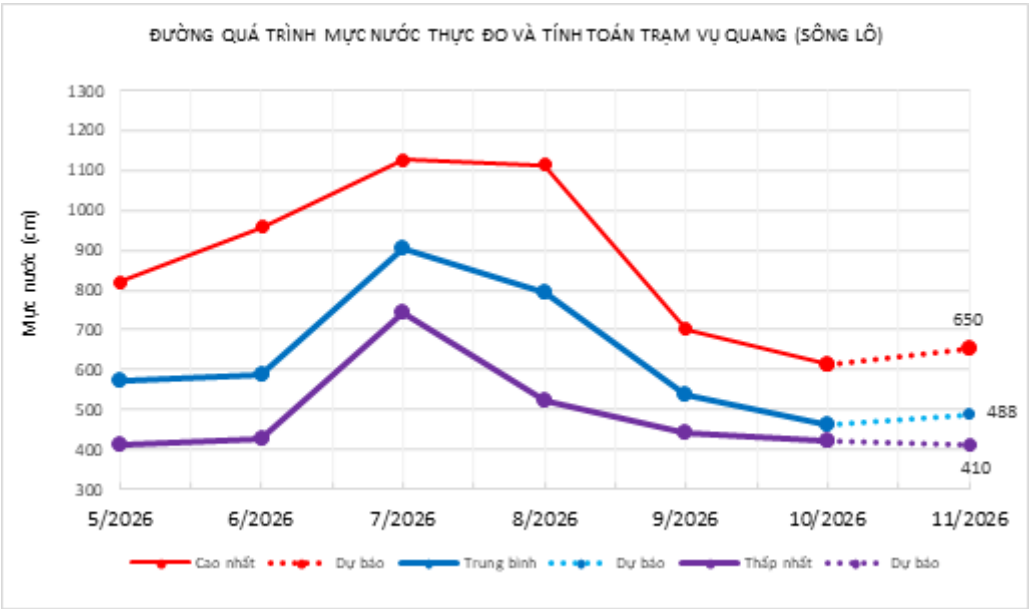
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
1300
1200
1100
1000
900
800
700
600
500
400
300
650
488
410
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

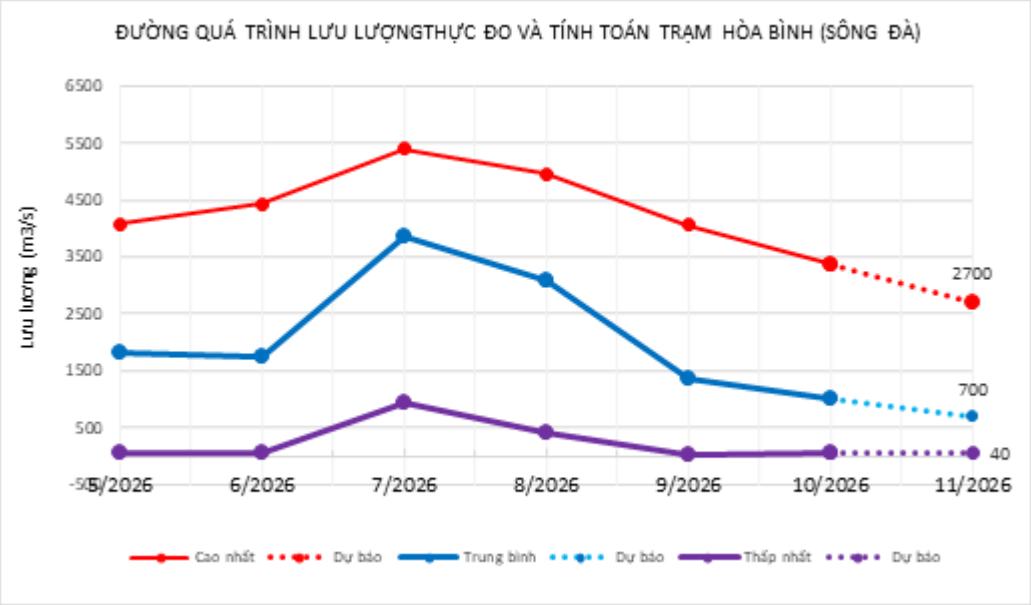

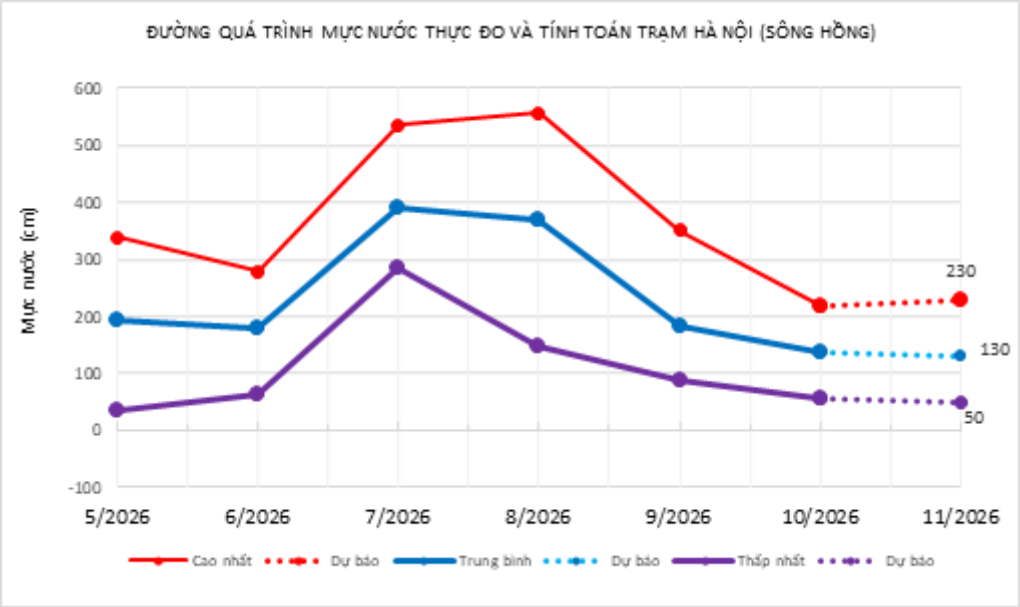

2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong tháng 10/2026, các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm, mực nước tại các trạm chính ở hạ lưu các sông dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong tháng 11/2026, các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm, mực nước tại các trạm chính ở hạ lưu các sông dao động theo triều. Đặc trưng mực nước dự báo tại các trạm theo từng thời đoạn chi tiết trong bảng phụ lục.

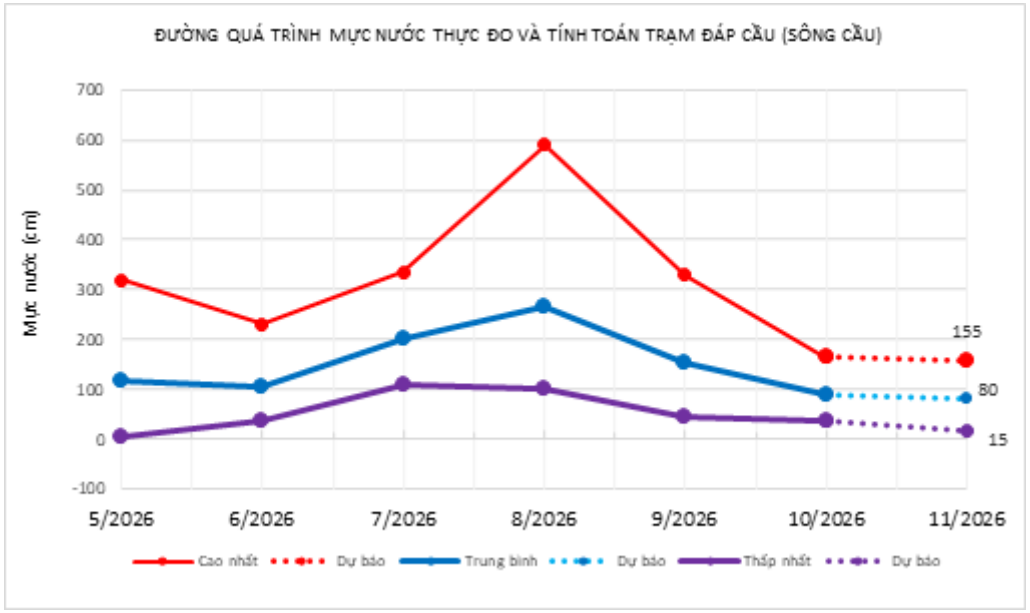
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)
Mực nước (cm)
700
600
500
400
300
200
100
0
-100
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
155
80
15
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

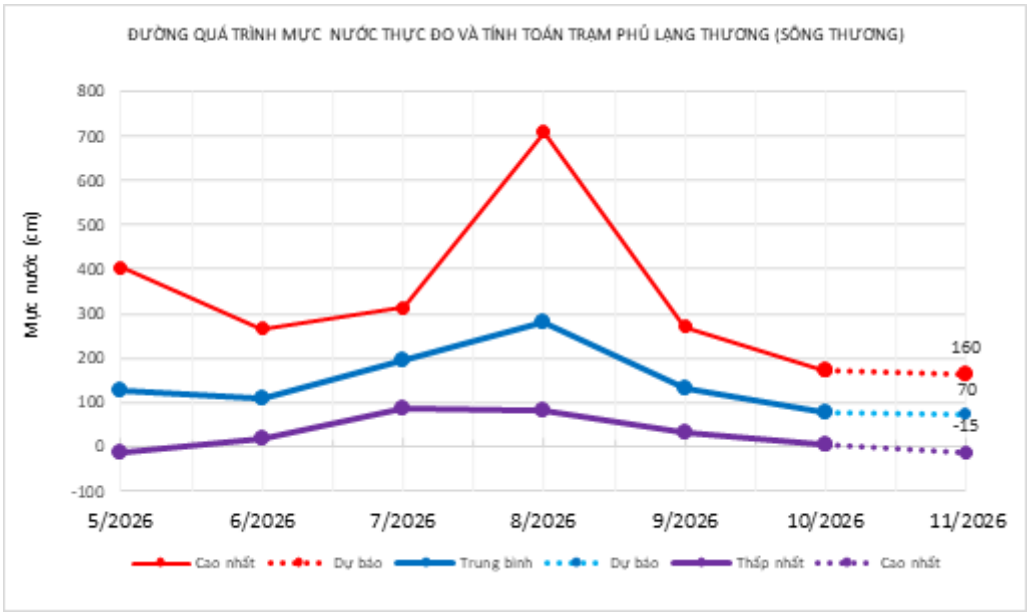
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHỦ LẠNG THƯƠNG (SÔNG THƯƠNG)
Mực nước (cm)
800
700
600
500
400
300
200
100
0
-100
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
160
70
-15
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Cao nhất

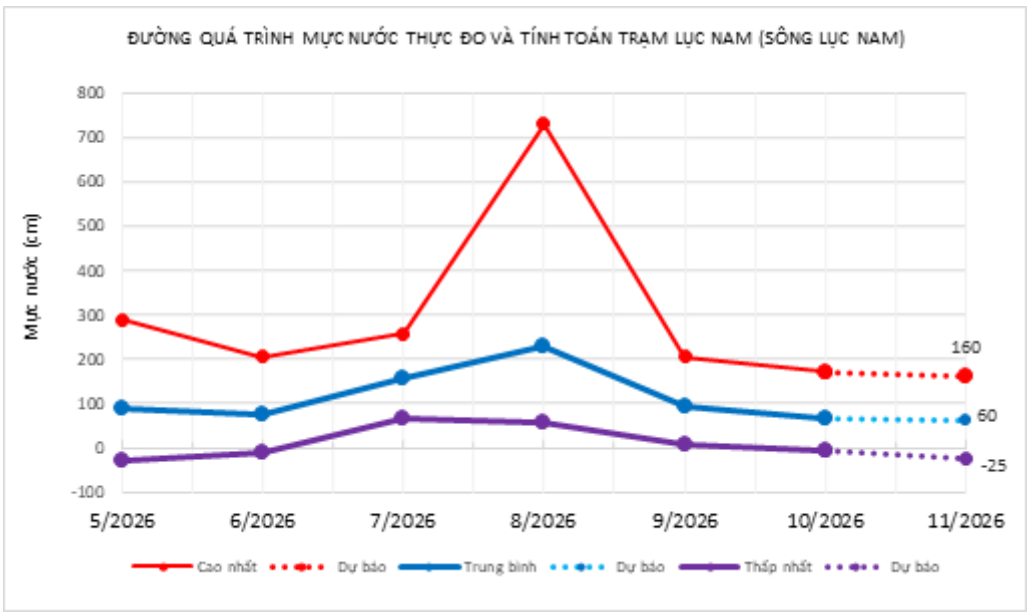
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LỤC NAM (SÔNG LỤC NAM)
Mực nước (cm)
800
700
600
500
400
300
200
100
0
-100
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
160
60
-25
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

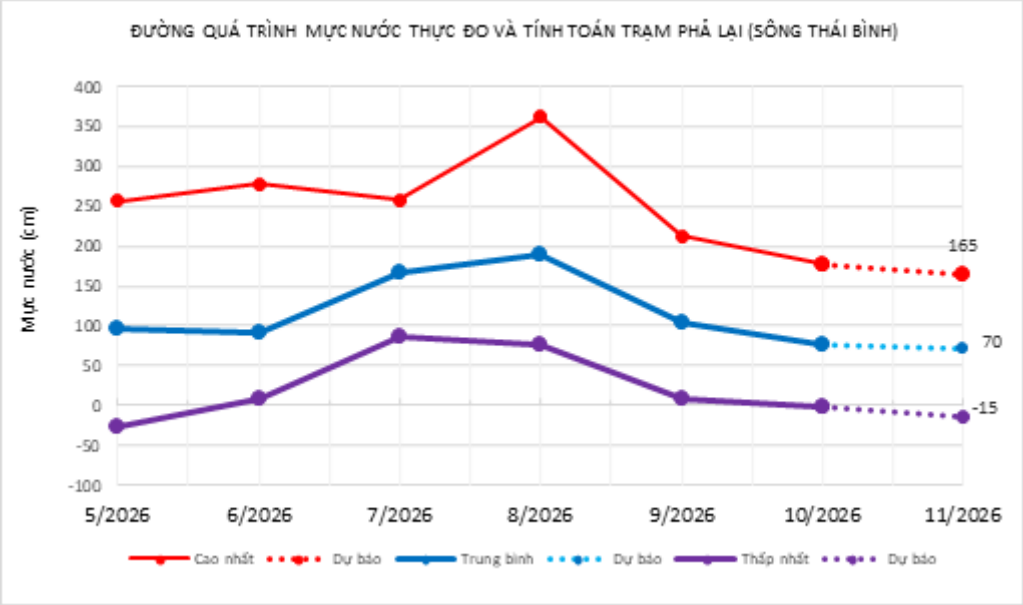

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên lưu vực các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Từ ngày 09-14/10, trên sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố xuất hiện lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ tại các trạm còn dưới mức BĐ1, riêng tại trạm Chu Lễ lên mức BĐ1; thượng lưu các sông khác có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 10, trên các sông xuất hiện 2 đợt lũ: từ ngày 10-15/10 và 28-31/10. Đỉnh lũ cao nhất trên các sông phổ biến từ BĐ1-BĐ2, riêng sông Kiến Giang tại trạm Lệ Thủy ở trên mức BĐ2; thời gian còn lại mực nước trên các sông có dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 11/2026, thượng lưu các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An dao động theo xu thế giảm, các sông ở Hà Tĩnh có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều

- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện 01-02 đợt lũ và dao động. Đỉnh lũ cao nhất trên các sông ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2.

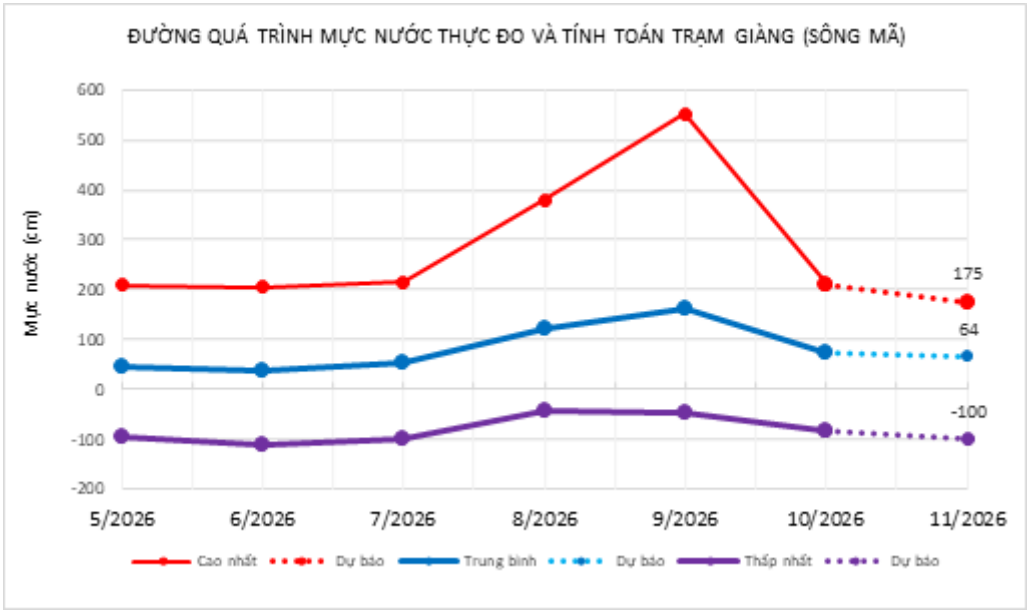
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)
Mực nước (cm)
600
500
400
300
200
100
0
-100
-200
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
175
64
-100
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

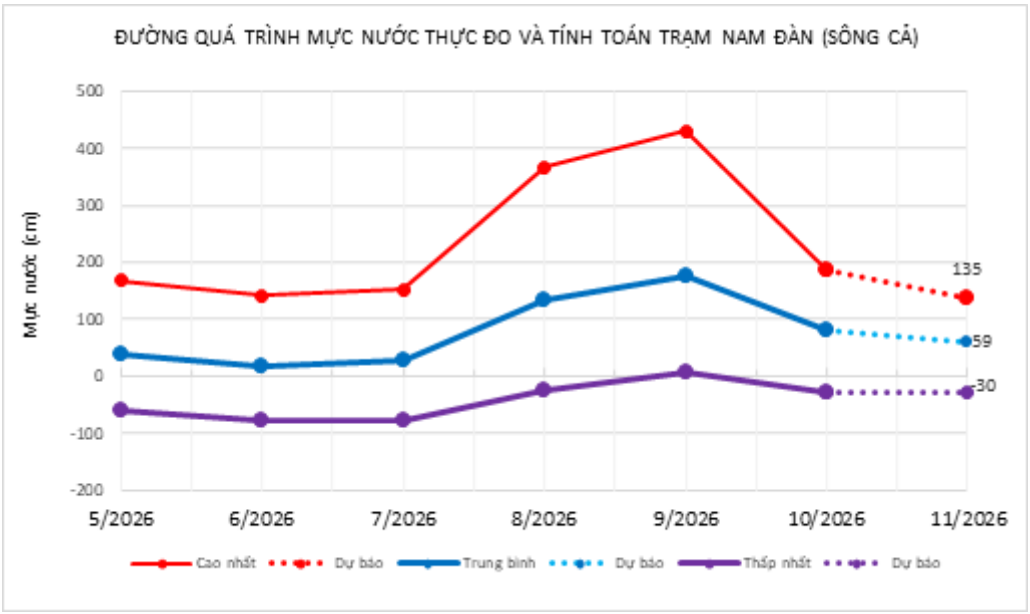
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)
Mực nước (cm)
500
400
300
200
100
0
-100
-200
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
135
59
-30
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

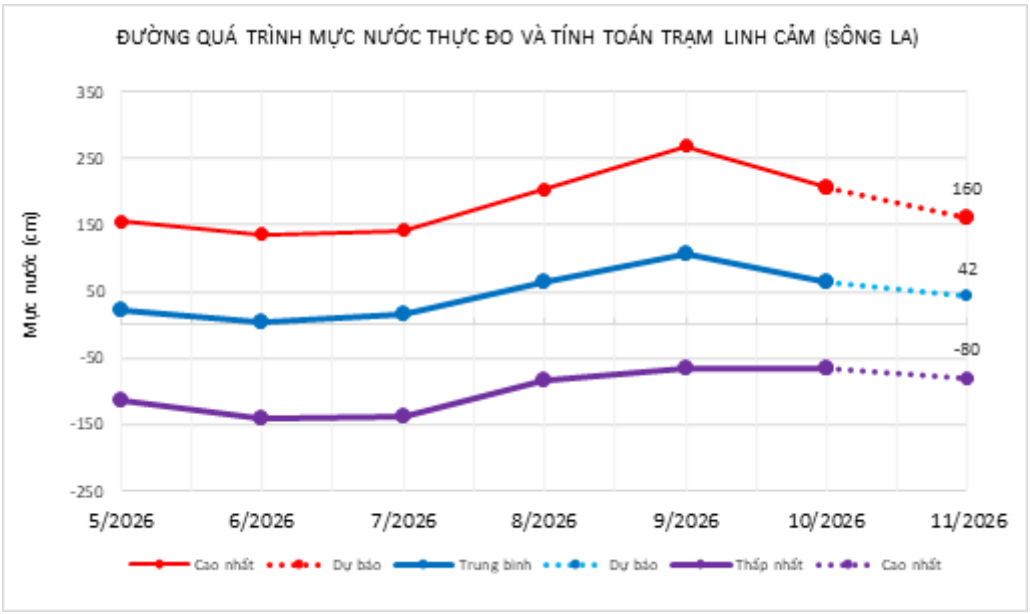
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẢM (SÔNG LA)
Mực nước (cm)
350
250
150
50
-50
-150
-250
5/2026
6/2026
7/2026
8/2026
9/2026
10/2026
11/2026
160
42
-80
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Cao nhất

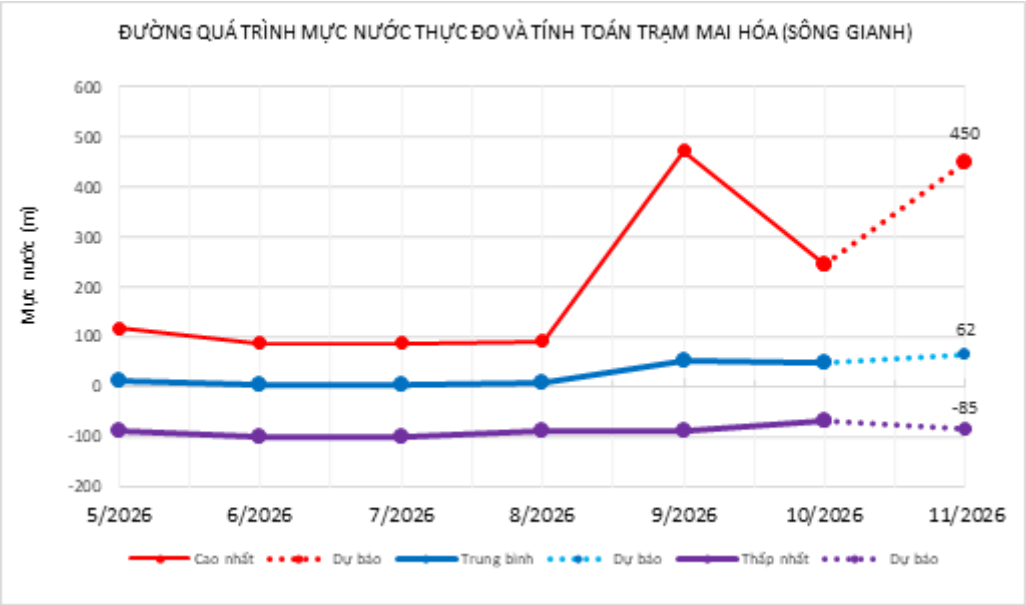

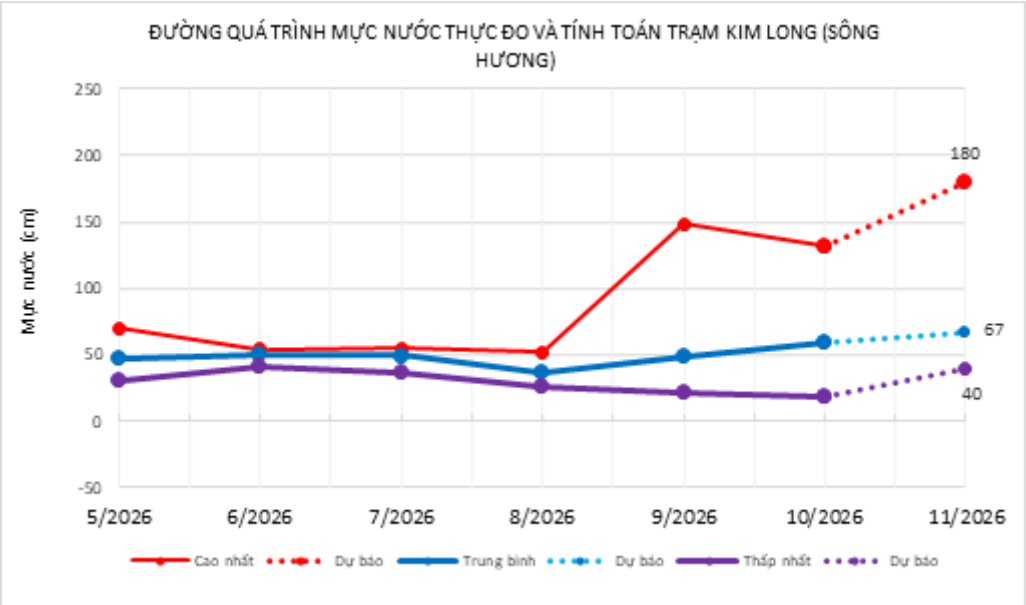

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 10-15/10, trên các sông xuất hiện 01 đợt dao động; thời gian còn lại mực nước trên các sông biến đổi chậm.

- Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông có dao động, một số sông xuất hiện lũ nhỏ. Trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy xuất hiện một đợt lũ với biên độ 3m, đỉnh lũ lên mức 27,81m lúc 02h ngày 9/10/2026, trên BĐ2 là 0,31m.

Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 11/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 01-02 đợt lũ và dao động. Đỉnh lũ cao nhất trên các sông ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2.

- Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện từ 1-3 đợt lũ và dao động. Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

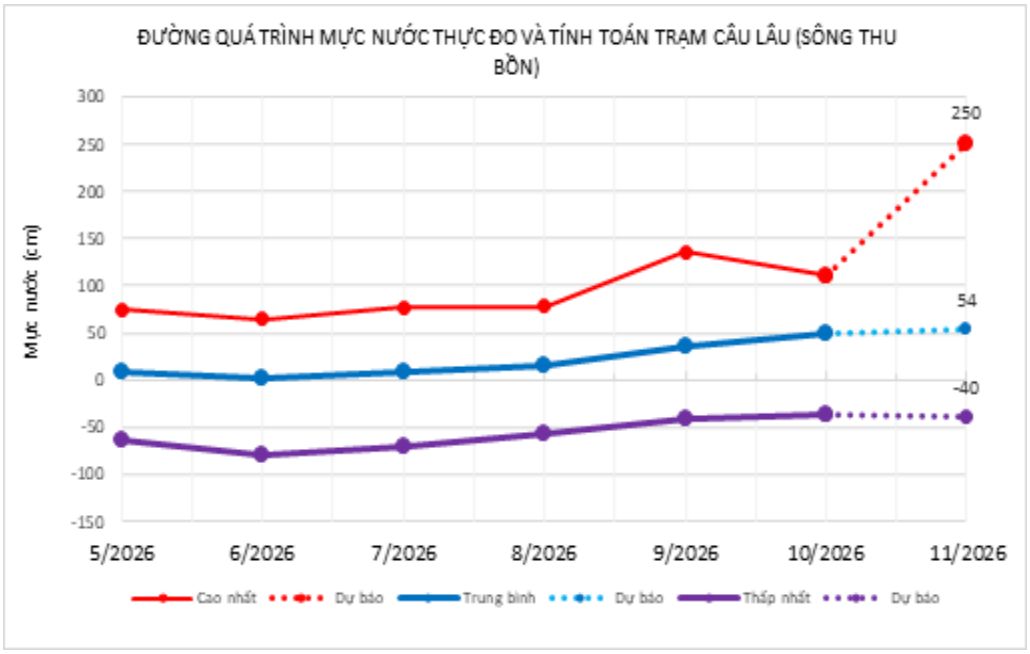

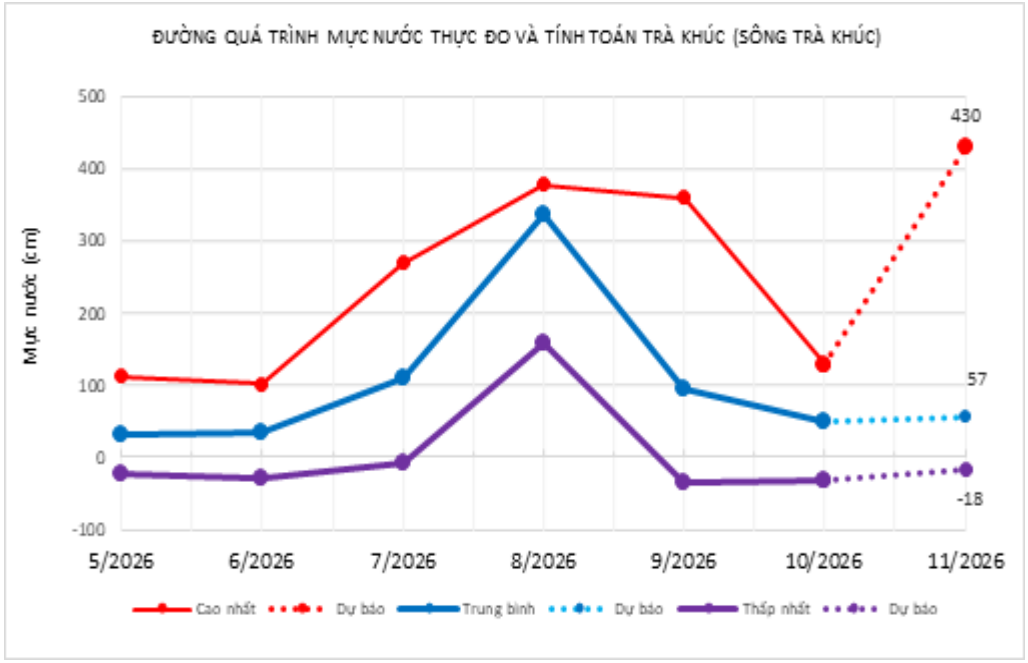

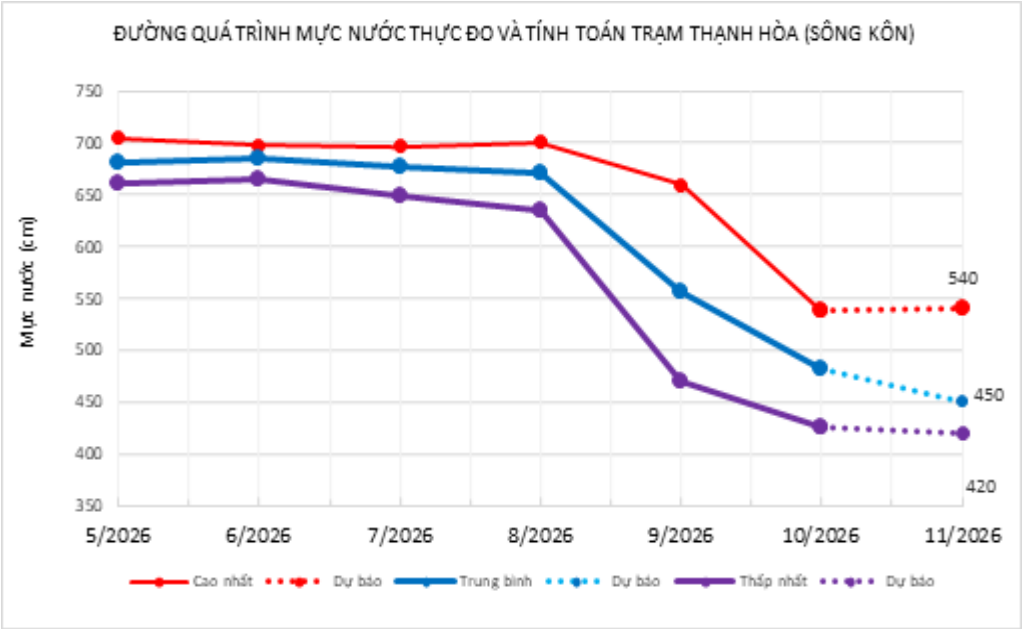

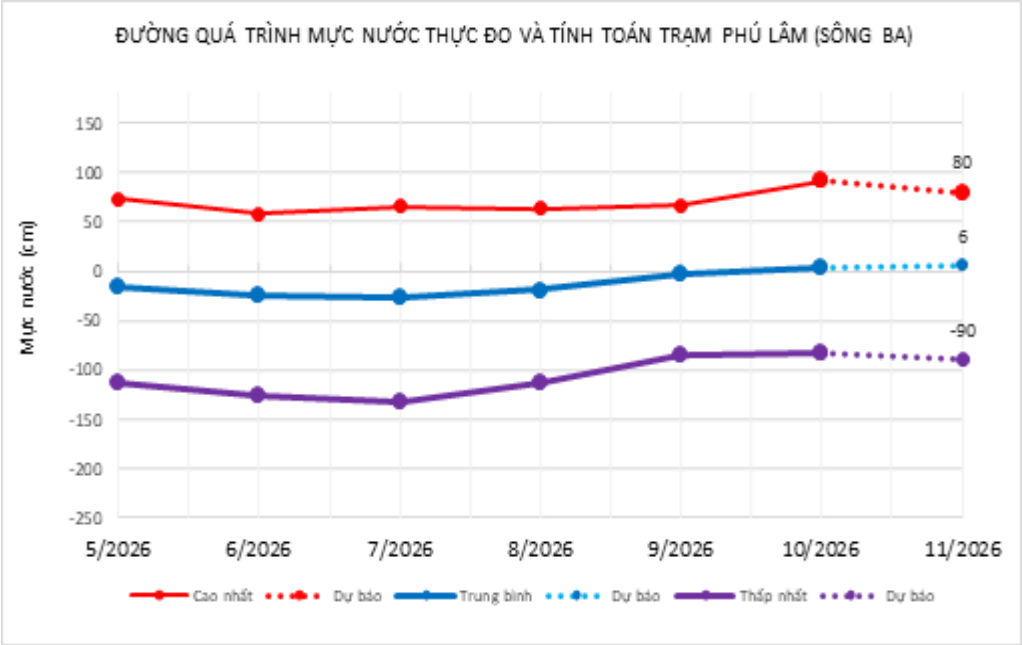

5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong tháng 10, trên sông Đồng Nai đã xuất hiện 04 đợt lũ nhỏ. Đỉnh lũ cao nhất trên sông Đồng Nai tại Tà Lài 112,58m (15h/04/10), trên BĐ2 0,08m.

Mực nước trên sông Bé dao động theo điều tiết của hồ chứa tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

- Mực nước trên sông Đồng Nai và sông Bé sẽ dao động theo điều tiết vận hành của thủy điện.

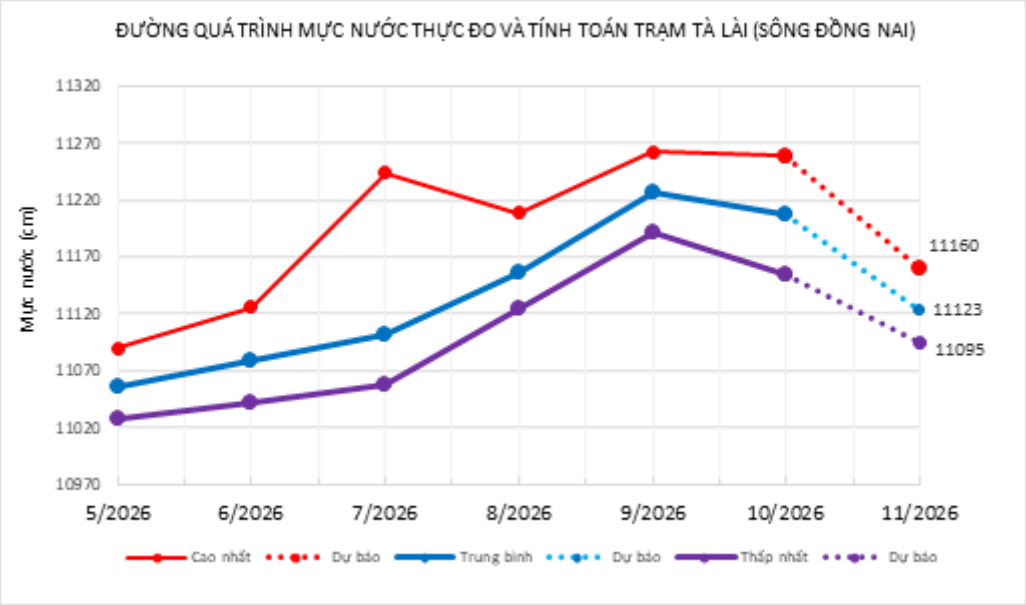

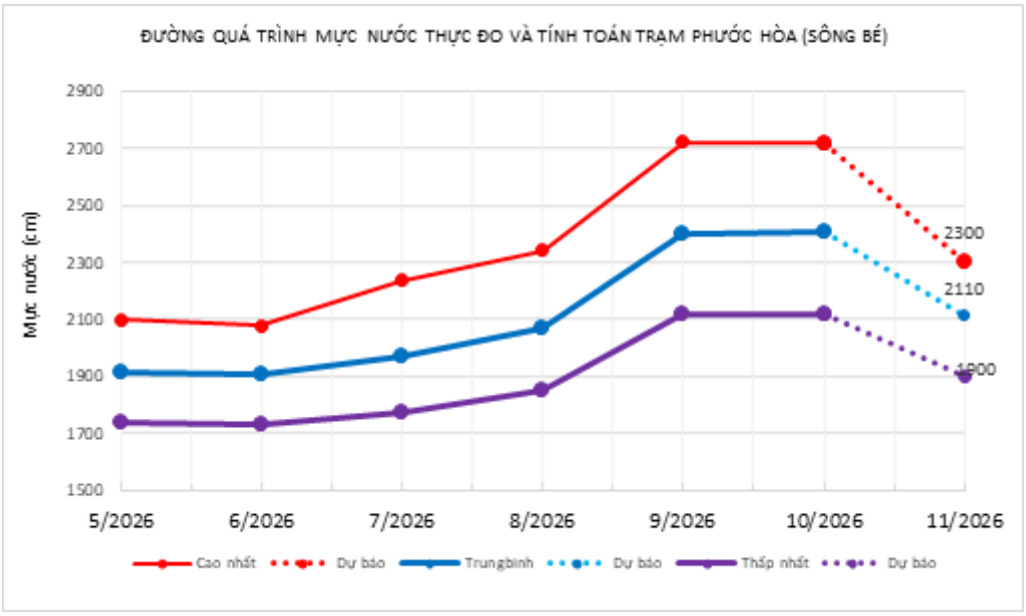

6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 10, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện; mực nước sông Krông Ana biến đổi theo xu thế xuống dần.

- Sông Cửu Long: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 3,27m (ngày 01/10); trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,05m (ngày 01/10), trên BĐ1 0,05m.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thuỷ lợi, mực nước sông Krông Ana biến đổi chậm.

- Sông Cửu Long: Mực nước trên sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 2,06m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc là 2,11m.

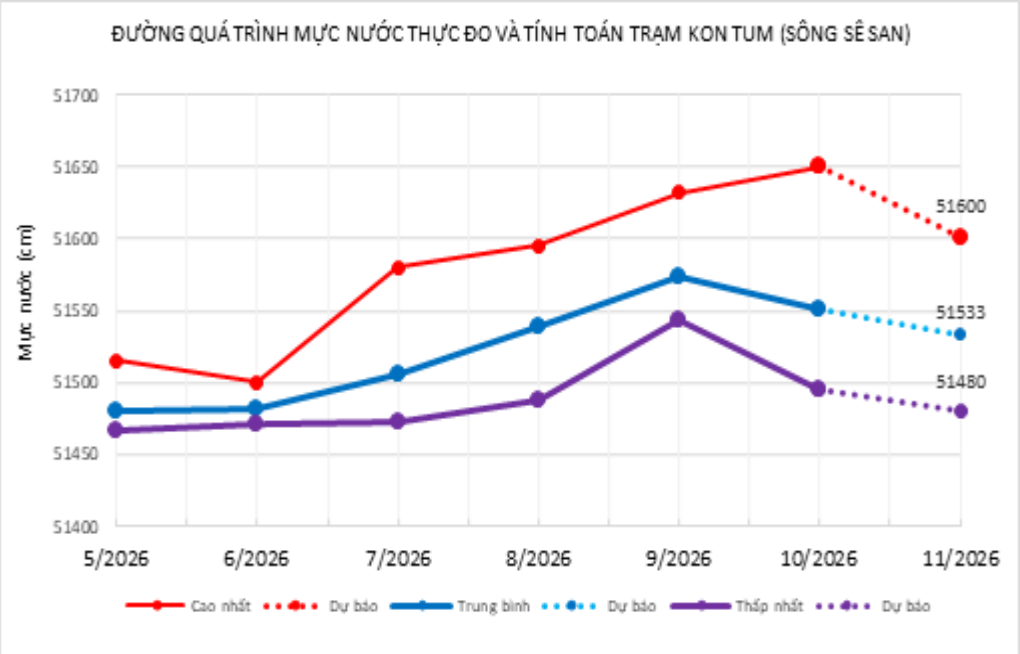

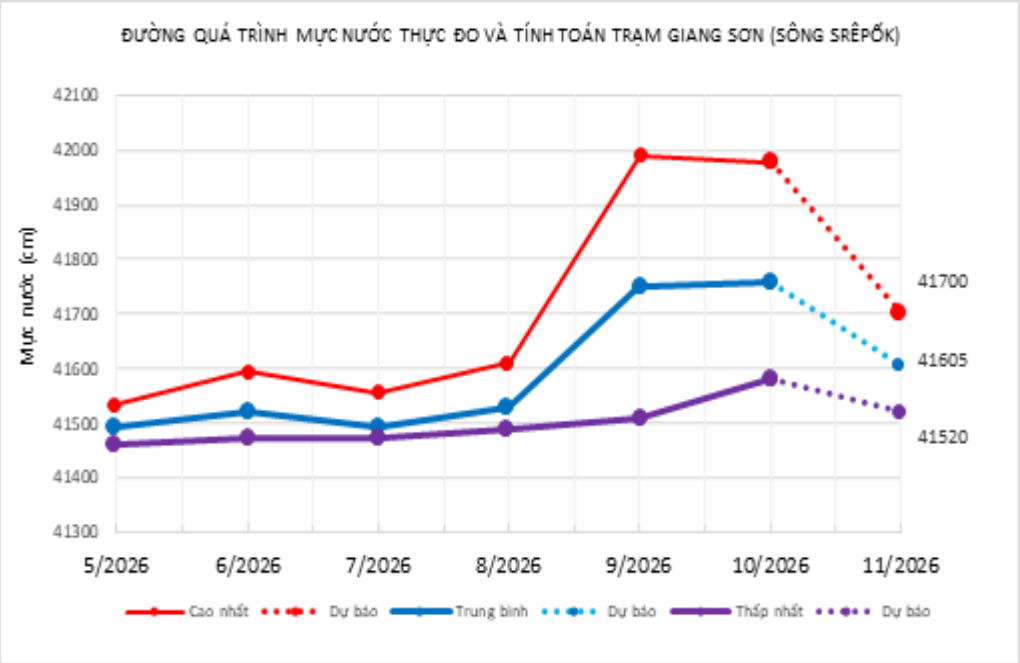

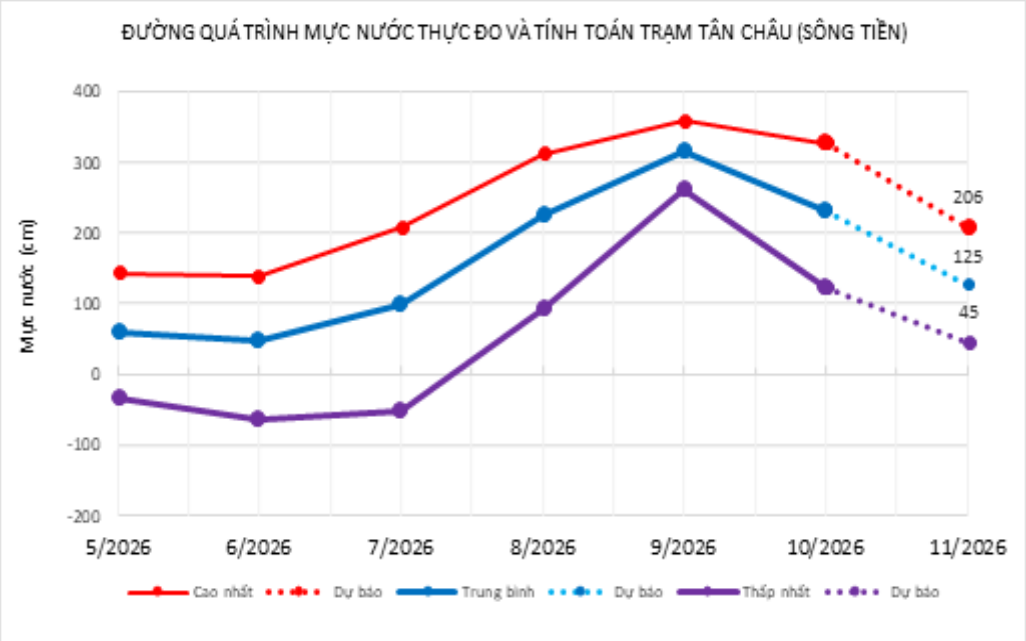

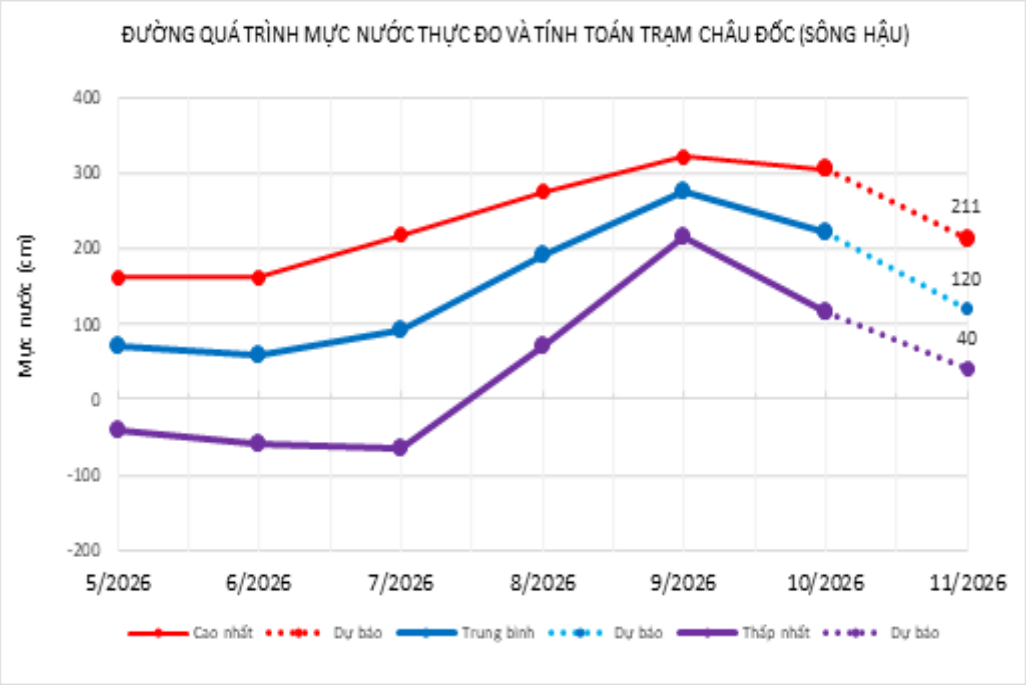

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15 giờ 00 ngày 01/12/2026

Tin phát lúc: 15 giờ 00 phút

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	1154	3363	40	1100	2700	40	600	2600	40	400	2600	40	700	2700	40
Thao	Yên Bái	2409	2459	2372	2370	2440	2330	2380	2450	2340	2390	2470	2350	2380	2470	2330
Thao	Phú Thọ	1122	1220	1048	1065	1130	1010	1070	1130	1020	1075	1130	1030	1070	1130	1010
Lô	Tuyên Quang	1256	1417	1141	1235	1430	1140	1230	1450	1150	1330	1460	1130	1265	1460	1130
Lô	Vụ Quang	464	613	422	465	580	420	460	590	410	450	575	415	488	650	410
Cầu	Đáp Cầu	89	164	35	85	150	30	80	145	25	80	155	15	80	155	15
Thương	Phủ Lạng Thương	76	170	6	70	150	1	65	145	-5	65	160	-15	70	160	-15
Lục Nam	Lục Nam	68	171	-7	65	155	-10	60	145	-15	60	160	-25	60	160	-25
Hồng	Hà Nội	136	218	57	125	220	90	120	210	60	130	230	50	130	230	50
Thái Bình	Phả Lại	76	177	-2	75	160	1	70	150	-5	70	165	-15	70	165	-15
Mã	Giàng	71	211	-82	64	175	-100	67	165	-85	60	175	-100	64	175	-100
Cả	Nam Đàn	82	186	-30	50	135	-30	53	130	-25	75	135	-30	59	135	-30
La	Linh cảm	64	206	-67	40	130	-80	42	125	-75	44	160	-80	42	160	-80
Gianh	Mai Hóa	46	246	-71	52	160	-70	75	400	-58	58	280	-85	62	450	-85

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Hương	Kim Long	58	132	19	58	80	40	80	180	65	62	120	55	67	180	40
Thu Bồn	Câu Lâu	50	111	-36	52	150	-30	60	250	-38	50	100	-40	54	250	-40
Trà Khúc	Trà Khúc	49	128	-33	45	100	-16	70	430	-10	55	200	-18	57	430	-18
Kôn	Thạnh Hòa	486	538	425	440	460	420	460	500	425	450	540	420	450	540	420
Đà Rằng	Phú Lâm	-3	67	-86	4	80	-60	9	75	-65	5	75	-90	6	80	-90
Đăkbla	Kon Tum	51551	51650	51495	51520	51580	51480	51550	51600	51510	51530	51580	51500	51533	51600	51480
Krông Ana	Giang Sơn	41756	41977	41582	41590	41650	41560	41650	41700	41590	41575	41620	41520	41605	41700	41520
Bé	Phước Hòa	2409	2718	2115	2180	2300	2050	2100	2250	1950	2050	2200	1900	2110	2300	1900
Đồng Nai	Tà Lài	11209	11258	11154	11140	11160	11130	11120	11145	11115	11110	11130	11095	11123	11160	11095
Tiền	Tân Châu	231	327	121	140	206	80	125	190	60	110	180	45	125	206	45
Hậu	Châu Đốc	222	305	116	135	211	75	120	195	55	105	185	40	120	211	40